

Số: /2020/NQ-HĐND
(DỰ THẢO)

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2020

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT
**Về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp
hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của
Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ...tháng...năm 2020 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Tuyên Quang về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày
tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định về chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ áp dụng đối với một số sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trong các lĩnh vực: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 109/2018/NĐ-CP*) và các chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ và các tổ chức, cá

nhân có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) theo dự án, kế hoạch được phê duyệt.

Điều 2. Điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

1. Danh mục, quy mô, sản phẩm được hỗ trợ

a) Cây ăn quả

- Cây cam, bưởi: Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

- Cây nhãn, thanh long, chanh, na: Quy mô tối thiểu 5,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

b) Cây công nghiệp:

+ Cây chè: Quy mô tối thiểu 5,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

+ Cây lạc: Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

c) Cây lương thực (lúa): Quy mô tối thiểu 10,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

d) Cây rau, củ, quả các loại: Quy mô tối thiểu 2,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

đ) Cây dược liệu (đình lăng, cà gai leo, sâm quy, đương quy, ba kích): Quy mô tối thiểu 3,0 ha/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

e) Đại gia súc (trâu, bò thịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 100 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

g) Gia súc (lợn thịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 400 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

h) Gia cầm thịt (gà, vịt): Quy mô thường xuyên tối thiểu 3.000 con/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân.

i) Cá đặc sản (cá chiên, cá lăng chằm, cá bống), cá có giá trị kinh tế cao (nheo Mỹ, cá quả, cá trắm cỏ, cá chép, cá chạch sông, cá chình): Quy mô tối thiểu 500m³ lồng/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân đối với nuôi bằng lồng trên sông, hồ hoặc tối thiểu 2,0 ha liền vùng/khu vực sản xuất/tổ chức, cá nhân đối với nuôi tại ao, hồ chuyên nuôi thủy sản.

2. Mỗi tổ chức, cá nhân được hưởng một hoặc đồng thời nhiều nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ 100% kinh phí xác định khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước. Mức hỗ

trợ không quá 50 triệu đồng/khu vực/tổ chức, cá nhân.

2. Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm hữu cơ: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn về nông nghiệp hữu cơ do tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại). Mức hỗ trợ không quá 150 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức trong nước cấp và không quá 300 triệu đồng/tổ chức, cá nhân đối với giấy chứng nhận do tổ chức quốc tế cấp.

3. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, xây dựng và nhân rộng sản xuất hữu cơ

a) Hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn về sản xuất hữu cơ; định mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Chính phủ về khuyến nông.

b) Hỗ trợ 70 % kinh phí xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ: Chi phí giống kháng sâu bệnh, phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học đối với mô hình trồng trọt; chi phí giống, thức ăn hữu cơ, thuốc thú y được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ và chi phí nhân rộng mô hình theo quy định của Chính phủ về khuyến nông. Mức hỗ trợ không quá 400 triệu đồng/mô hình.

4. Hỗ trợ lãi suất vốn vay đầu tư: Hỗ trợ 80% lãi suất vốn vay để thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ gắn với tiêu thụ sản phẩm. Mức vốn vay được hỗ trợ lãi suất theo dư nợ thực tế của hợp đồng vay vốn giữa tổ chức, cá nhân với ngân hàng nhưng không quá 5,0 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân. Thời gian cho vay không quá 60 tháng, thời gian hỗ trợ lãi suất theo thời gian vay vốn nhưng không quá 48 tháng.

5. Ngoài nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1,2,3,4 Điều 3 của Nghị quyết này thì ưu tiên áp dụng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đã ban hành để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển nông nghiệp hữu cơ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.
2. Lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện.
3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hàng năm xây dựng kế hoạch, tổ chức đào tạo, tập huấn và xây dựng mô hình sản xuất hữu cơ để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XVIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày ... tháng ... năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Liên minh HTX Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH